

Số: 486/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 30 tháng 7 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung  
lĩnh vực quốc tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 06 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/06/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2358/QĐ-BTP ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 247/TTr-STP ngày 24 tháng 7 năm 2025.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quốc tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ (Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

Nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính tại Phụ lục được công bố tại Quyết định này, thực hiện theo Quyết định số 2358/QĐ-BTP ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. Đồng thời được công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: <https://csdl.dichvucong.gov.vn>); Cổng thông tin điện tử tỉnh (địa chỉ: <https://phutho.gov.vn>).

## Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Khoa học và Công nghệ:

Đồng bộ đầy đủ, kịp thời dữ liệu thủ tục hành chính tại Quyết định này từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh chậm nhất 03 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định.

## **2. Sở Tư pháp:**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, xây dựng quy trình nội bộ đối với việc giải quyết từng thủ tục hành chính công bố tại Điều 1 Quyết định này; hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chậm nhất 03 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, cập nhật, đăng tải công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác Danh mục thủ tục hành chính, bộ phận tạo thành của thủ tục hành chính công bố tại Điều 1 Quyết định này và gỡ bỏ các dữ liệu thủ tục hành chính bị bãi bỏ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật, đăng tải công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác các dữ liệu thủ tục hành chính vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo quy định; đăng tải công khai Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bãi bỏ danh mục thủ tục hành chính số 1, 2, 3, 4, 5 mục I Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực quốc tịch, hộ tịch, chứng thực, nuôi con nuôi thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  
**Nguyễn Huy Ngọc**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC**  
**QUỐC TỊCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH PHÚ THỌ**  
(Kèm theo Quyết định số: 486/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

| TT | Mã TTHC  | Tên TTHC                                        | Thời hạn giải quyết                                                                      | Cách thức/Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|----|----------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | 2.001895 | Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam | 53 ngày đối với hồ sơ xác minh thông thường hoặc 68 ngày đối với hồ sơ xác minh phức tạp | <b>1. Trực tiếp:</b><br><br>1.1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ.<br><br>- <u>Cơ sở 1:</u> Địa chỉ: Số 398 - Đường Trần Phú - phường Việt Trì - tỉnh Phú Thọ ĐT: 0210 2222 555<br><br>- <u>Cơ sở 2:</u> Địa chỉ: số 5, đường Nguyễn Trãi, Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 211 3616 618.<br><br>- <u>Cơ sở 3:</u> Số 485 đường Trần Hưng Đạo, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 02183868689<br><br>1.2. Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường trên địa bàn tỉnh | - 100.000 đồng.<br><br>- Miễn phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận là người gốc Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú. | Toàn trình      | - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.<br><br>- Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.<br><br>- Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch.<br><br>- Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.<br><br>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC |

| TT | Mã TTHC  | Tên TTHC                                     | Thời hạn giải quyết                                                         | Cách thức/Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Phí, lệ phí<br>(nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | DVC TT<br>(mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----|----------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |          |                                              |                                                                             | Phú Thọ<br><b>2. Trực tuyến</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><i>www.dichvucong.gov.vn</i><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính ông ích</b>                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                    | ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.                                                                                                                                                                                                                    |
| 2  | 2.002039 | Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam ở trong nước | 105 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền) | Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ.<br><u>- Cơ sở 1:</u> Địa chỉ: Số 398 - Đường Trần Phú - phường Việt Trì - tỉnh Phú Thọ ĐT: 0210 2222 555<br><u>- Cơ sở 2:</u> Địa chỉ: số 5, đường Nguyễn Trãi, Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 211 3616 618.<br><u>- Cơ sở 3:</u> Số 485 đường Trần Hưng Đạo, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ; | - 3.000.000 đồng<br>- Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau:<br>+ Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền | Một phần           | - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.<br>- <i>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2025.</i><br>- <i>Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.</i><br>- <i>Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch.</i> |

| TT | Mã TTHC  | Tên TTHC                                        | Thời hạn giải quyết                                                        | Cách thức/Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                               | Phí, lệ phí<br>(nếu có)                                                                                                                                                                                                                                              | DVC TT<br>(mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|----|----------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |          |                                                 |                                                                            | ĐT: 02183868689                                                                                                                                                                                                                            | Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó).<br><br>+ Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú. |                    | - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận.                                                      |
| 3  | 2.002038 | Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước | 85 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền) | <b>1. Trực tiếp:</b><br>1.1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ.<br><u>- Cơ sở 1:</u> Địa chỉ: Số 398 Đường Trần Phú - phường Việt Trì - tỉnh Phú Thọ ĐT: 0210 2222 555<br><u>- Cơ sở 2:</u> Địa chỉ: số 5, đường Nguyễn Trãi, | - 2.500.000 đồng.<br><br>- Miễn lệ phí đối với người mất quốc tịch xin trở lại quốc tịch Việt Nam mà có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã,                                                                                          | Toàn trình         | - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.<br><br>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2025.<br><br>- Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. |

| TT | Mã TTHC  | Tên TTHC                                     | Thời hạn giải quyết                                                        | Cách thức/Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Phí, lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|----|----------|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |          |                                              |                                                                            | <p>Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 211 3616 618.</p> <p>- <u>Cơ sở 3</u>: Số 485 đường Trần Hưng Đạo, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 02183868689</p> <p>1.2. Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ</p> <p><b>2. Trực tuyến</b></p> <p>Địa chỉ truy cập:</p> <p><a href="http://www.dichvucong.gov.vn">www.dichvucong.gov.vn</a></p> <p><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b></p> | nơi cư trú.          |                 | <p>- Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch.</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</p> |
| 4  | 2.002036 | Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước | 75 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền) | <p><b>1. Trực tiếp:</b></p> <p>1.1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ.</p> <p>- <u>Cơ sở 1</u>: Địa chỉ: Số 398</p> <p>- Đường Trần Phú - phường Việt Trì - tỉnh Phú</p>                                                                                                                                                                                                                                        | 2.500.000 đồng.      | Toàn trình      | <p>- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2025.</p> <p>- Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện</p>                                                                                                                                                                                                                |

| TT | Mã TTHC  | Tên TTHC                                                     | Thời hạn giải quyết                                                   | Cách thức/Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                           | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|----|----------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |          |                                                              |                                                                       | <p>Thọ ĐT: 0210 2222 555</p> <p>- <u>Cơ sở 2</u>: Địa chỉ: số 5, đường Nguyễn Trãi, Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 211 3616 618.</p> <p>- <u>Cơ sở 3</u>: Số 485 đường Trần Hưng Đạo, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 02183868689</p> <p>1.2. Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ</p> <p><b>2. Trực tuyến</b></p> <p>Địa chỉ truy cập:</p> <p><a href="http://www.dichvucong.gov.vn">www.dichvucong.gov.vn</a></p> <p><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b></p> |                                                                                                                |                 | <p>pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.</p> <p>- Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch.</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</p> |
| 5  | 1.005136 | Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước | - 18 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch | <p><b>1. Trực tiếp:</b></p> <p>1.1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <p>- 100.000 đồng</p> <p>- Miễn phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận có quốc tịch</p> | Toàn trình      | <p>- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

| TT | Mã TTHC | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                              | Cách thức/Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                   | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|----|---------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |         |          | Việt Nam;<br>- 53 ngày làm việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam (hồ sơ xác minh thông thường) hoặc 68 ngày làm việc (hồ sơ xác minh phức tạp). | <p><u>- Cơ sở 1:</u> Địa chỉ: Số 398 - Đường Trần Phú - phường Việt Trì - tỉnh Phú Thọ ĐT: 0210 2222 555</p> <p><u>- Cơ sở 2:</u> Địa chỉ: số 5, đường Nguyễn Trãi, Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 211 3616 618.</p> <p><u>- Cơ sở 3:</u> Số 485 đường Trần Hưng Đạo, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 02183868689</p> <p>1.2. Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ</p> <p><b>2. Trực tuyến</b></p> <p>Địa chỉ truy cập:</p> <p><a href="http://www.dichvucong.gov.vn">www.dichvucong.gov.vn</a></p> <p><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b></p> | Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã. |                 | <p>2025.</p> <p>- Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.</p> <p>- Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch.</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</p> |

**\* Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.**

